TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115**/2022/KDTM-PT
Ngày: 21/3/2022
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản theo cam kết.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 21 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 58/2021/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2021 về "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản theo cam kết".

Do Bản án sơ thẩm số 1486/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 310/2022/QĐXX-PT ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần thiết bị y tế V; Trụ sở: 456-458 T, phường Đ, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984. Giấy ủy quyền lập ngày 10/08/2020 (*có mặt*)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K; Trụ sở: 49 Đường số 31 B, Khu phố N, phường P, Quận H (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà Lê Thị Lan A. Giấy ủy quyền lập ngày 04/05/2021 (*vắng mặt*)

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần thiết bị y tế V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai,các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần thiết bị y tế V (gọi tắt Công ty V) và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K (gọi tắt Công ty K) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-01/15-HĐM/TBYT/MK-BV ngày 26/01/2015 để mua, bán các thiết bị máy móc y tế với tổng giá trị là 13.348.314.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã bàn giao thiết bị máy móc và đã thanh toán tiền hàng. Ngày 19/07/2015 các bên đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành – bàn giao thiết bị, không phát sinh tranh chấp về số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng và thời gian bảo hành thiết bị đã hết. Về nghĩa vụ thanh toán tiền hàng, Công ty Kđã thanh toán tiền hàng cho Công ty V đợt 1 và đợt 2. Riêng đợt 3, phải thanh toán số tiền 2.569.809.000 đồng trong vòng 10 ngày kể từ khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa thiết bị máy móc vào sử dụng (Biên bản nghiệm thu ký ngày 19/07/2015) nhưng Công ty K thanh toán số tiền 1.919.809.000 đồng, còn nợ số tiền 650.000.000 đồng chưa trả cho Công ty V.

Tại "*Thư xác nhận nợ phải thu ngày 17/03/2018*" Công ty K xác nhận công nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định các yêu cầu:

1/ Buộc Công ty K thanh toán cho Công ty V số tiền hàng còn nợ (theo văn bản xác nhận nợ ngày 17/03/2018) là 650.000.000 đồng;

2/ Lãi do chậm trả nợ (tính phát sinh từ ngày 19/07/2015 đến ngày 31/05/2021) là 599.917.500 đồng;

3/ Tiền phạt vi phạm theo Hợp đồng là 8% trên số tiền gốc nợ, thành tiền 52.000.000 đồng;

Tổng các khoản phải trả theo yêu cầu nguyên đơn: 1.301.917.500 đồng.

Bị đơn – Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K do bà Lê Thị Lan A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty K thừa nhận có ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán số 01-01/15-HĐM/TBYT/MK-BV ngày 26/01/2015 và các Phụ lục Hợp đồng với Công ty V. Thừa nhận còn nợ Công ty V số nợ gốc là 650.000.000 đồng, ngày 17/03/2018 Công ty K ký xác nhận nợ tại "Thư xác nhận" theo yêu cầu của Công ty V là đúng sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị đơn thừa nhận số nợ gốc và xác nhận trách nhiệm trả cho Công ty V số nợ 650.000.000 đồng trong vòng 06 tháng. Đối với các yêu cầu của nguyên đơn về lãi chậm trả và phạt hợp đồng thì Công ty K không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét về thời hiệu khởi kiện vì hợp đồng này các bên đã thực hiện xong từ năm 2015, các điều khoản quy định tại hợp đồng không có tranh chấp.

Tại Bản án sơ thẩm số 1486/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần thiết bị y tế V.

Buộc Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần thiết bị y tế V tiền hàng còn nợ (nợ gốc), tính đến ngày 31/05/2021 là 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực thi hành.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. *Trách nhiệm thi hành án:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 31/5/2021 Công ty Cổ phần thiết bị y tế V nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính lãi chậm trả và phạt hợp đồng.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Đại diện người kháng cáo trình bày: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi trên nợ gốc và phạt vi phạm hợp đồng vì hết thời hiệu khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật bởi những cơ sở sau:

- Hợp đồng mua bán giữa các bên chưa được thanh lý, Công ty K chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng nên hợp đồng vẫn còn hiệu lực;
- Công ty K yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để trốn tránh nghĩa vụ là trái quy định của Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phía người đại diện Công ty K vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định. Căn cứ các tài liệu chứng cứ là Thông báo ngày 15/6/2020 về yêu cầu thanh toán tiền thanh toán, lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng của Công ty V gửi cho Công ty K (đã được Công ty K nhận thể hiện qua Phiếu báo phát của Bưu Điện). Trong văn bản này, phía Công ty V đã yêu cầu Công ty K phải thanh toán các khoản tiền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 15/6/2020. Phía Công ty K cũng đã thừa nhận nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ gốc là 650.000.000 đồng nên thời hiệu khởi kiện của số tiền nợ gốc phải được xác định lại từ ngày 15/6/2020, đồng thời Công ty K không thực hiện thanh toán nên vi phạm thời hạn thanh toán theo thông báo nêu trên. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận phần yêu cầu của Công ty V về tính lãi chậm trả trên nợ gốc là 650.000.000 đồng kể từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán theo thông báo ngày 15/6/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với kháng cáo về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty V còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

Công ty K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự có cơ sở để xác định như sau:

[4] Công ty V và Công ty K ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-01/15-HĐM/TBYT/MK-BV ngày 26/01/2015 để mua, bán các thiết bị máy móc y tế với tổng giá trị là 13.348.314.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 19/07/2015 các bên đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành – bàn giao thiết bị, không phát sinh tranh chấp về số lượng, chất lượng... Về nghĩa vụ thanh toán tiền hàng, Công ty K đã thanh toán tiền hàng cho Công ty V đợt 1 và đợt 2. Riêng đợt 3, phải thanh toán số tiền 2.569.809.000 đồng trong vòng 10 ngày kể từ khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa thiết bị máy móc vào sử dụng.

[5] Sau khi ký Biên bản nghiệm thu ngày 19/07/2015 thì Công ty K chỉ thanh toán cho Công ty V số tiền 1.919.809.000 đồng, còn nợ số tiền 650.000.000 đồng chưa trả. Tại "*Thư xác nhận công nợ phải thu ngày 17/03/2018*" Công ty K xác nhận còn nợ số tiền 650.000.000 đồng.

[6] Những nội dung này đã được người đại diện hợp pháp của Công ty V và Công ty K xác nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Tại cấp sơ thẩm người đại diện hợp pháp của Công ty K xác định nợ gốc là 650.000.000 đồng chưa trả. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Công ty V buộc Công ty K phải thanh toán số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng là phù hợp. Công ty V không kháng cáo nội dung này nên Hội xét xử không xem xét.

[8] Xét kháng cáo của Công ty V đối với yêu cầu Công ty K phải trả số tiền lãi do chậm trả nợ (tính từ ngày 19/07/2015 đến ngày 31/05/2021) là 599.917.500 đồng và tiền phạt vi phạm theo Hợp đồng là 8% trên số tiền gốc nợ, thành tiền 52.000.000 đồng không được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận do hết thời hiệu khởi kiện.

[9] Thời hiệu khởi kiện được Bộ luật Dân sự 2015 quy định như sau:

Tại khoản 3 Điều 150: *"Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện."*

Tại khoản 1, 2 Điều 154: "*1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;*

Tại khoản 1, 2 Điều 157: "*1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây: a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; 2. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này."*

Thời hiệu khởi kiện được Luật Thương mại 2005 quy định tại Điều 319 như sau: "*Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm…"*

Thời hiệu khởi kiện được Bộ luật tố tụng dân sự quy định khoản 1, 2 Điều 184 như sau: *"1. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự; 2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc; Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ."*

[10] Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự cùng với tài liệu có tại hồ sơ thì Công ty K phải thanh toán số tiền 2.569.809.000 đồng trong vòng 10 ngày kể từ khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa thiết bị máy móc vào sử dụng (Biên bản nghiệm thu ký ngày 19/07/2015) nhưng Công ty Kchỉ thanh toán số tiền 1.919.809.000 đồng, còn nợ số tiền 650.000.000 đồng. Như vậy thời điểm Công ty Kvi phạm nghĩa vụ thanh toán được xác định là ngày 30/7/2015. Nên thời hiệu khởi kiện được tính bắt đầu từ ngày 30/7/2015 và kết thúc vào ngày 30/7/2017.

[11] Công ty V xác định các yêu cầu Công ty K phải trả lãi và phạt vi phạm hợp đồng là xuất phát từ việc chưa thanh toán khoản tiền 650.000.000 đồng nêu trên, nên xác định thời hiệu khởi kiện của các yêu cầu này cũng được tính bắt đầu từ ngày 30/7/2015 và kết thúc vào ngày 30/7/2017.

[12] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng là đúng quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty V kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không đúng về thời hiệu khởi kiện, lập luận rằng tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thời hiệu khởi kiện được áp dụng trừ trường hợp nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ, Công ty K yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để không phải trả tiền lãi và phạt hợp đồng nên không thỏa mãn quy định trên. Việc hiểu và lập luận như trên của Công ty V là không đúng nội hàm của điều luật. Điều luật quy định như sau: *Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.”*, trong vụ án này Công ty K “yêu cầu áp dụng” chứ không phải “từ chối áp dụng” nên lập luận trên của Công ty V là không được chấp nhận.

[14] Công ty V lập luận cho rằng hợp đồng còn hiệu lực thì còn thời hiệu khởi kiện là nhầm lẫn giữa thời hạn thực hiện hợp đồng và thời hiệu khởi kiện vụ án. Như phân tích tại đoạn [11] đối với các yêu cầu về tiền lãi và phạt vi phạm thì thời hiệu khởi kiện bắt đầu từ ngày 30/7/2015 và kết thúc vào ngày 30/7/2017. Công ty V không nêu được căn cứ và xuất trình chứng cứ nào để chứng minh các yêu cầu này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện hoặc chưa hết thời hiệu khởi kiện hoặc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 155, Điều 156, Điều 157 của Bộ luật Dân sự 2015, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét. Do vậy yêu cầu kháng cáo của Công ty V không được chấp nhận.

[15] Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào tài liệu chứng cứ là Thông báo ngày 15/6/2020 về yêu cầu thanh toán tiền thanh toán, lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng của Công ty V gửi cho Công ty K (đã được Công ty K nhận thể hiện qua Phiếu báo phát của Bưu Điện) để cho rằng thời hiệu khởi kiện của yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi chậm trả được xác định lại từ ngày 15/6/2020 theo quy định của Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015 là không phù hợp, bởi vì ngoài các

tài liệu này thì Công ty V không chứng minh được tại thời điểm nhận Thông báo thì Công ty K " *đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình"* đối với các nghĩa vụ thanh toán của Công ty V. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần thiết bị y tế V buộc Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần thiết bị y tế V tiền hàng còn nợ (nợ gốc), tính đến ngày 31/05/2021 là 650.000.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, đối với phần yêu cầu không được chấp nhận vì hết thời hiệu khởi kiện thì không thể hiện trong quyết định của bản án là có thiếu sót, cần khắc phục.

[17] Cụ thể, đối với yêu cầu của Công ty V đòi Công ty K phải trả số tiền lãi do chậm trả nợ và tiền phạt vi phạm theo Hợp đồng do đã hết thời hiệu khởi kiện nên bị đình chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự thì Công ty V không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bị đình chỉ này, nên được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

[18] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần thiết bị y tế V.

Buộc Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần thiết bị y tế V tiền hàng còn nợ (nợ gốc), tính đến ngày 31/05/2021 là 650.000.000đ.

Trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thiết bị y tế V đối với yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K phải trả tiền lãi trên nợ gốc và tiền phạt vi phạm Hợp đồng do đã hết thời hiệu khởi kiện. Công ty Cổ phần thiết bị y tế V không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.000.000 đồng.

- Công ty Cổ phần thiết bị y tế V được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0028014 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần thiết bị y tế V được hoàn lại án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/002879 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo Lưu Thị Đoan Trang Ngô Thanh Nhàn